

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH DƯƠNG**
Số: 02/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bầu Bàng, ngày 16 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ **V/v hôn nhân và gia đình xác định con cho mẹ** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Thư ký phiên họp: Bà Phan Thị Phương – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Võ Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 207/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về yêu cầu xác định con cho mẹ theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp 6, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

3. Cháu Nguyễn Lê Thị Trà M, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2006; nơi cư trú: ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cháu Nguyễn Lê Thị Trà M: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (chị P là mẹ cháu M), vắng mặt (có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 14 tháng 8 năm 2018, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là chị Lê Thị L trình bày: năm 2005, chị L và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau tại ấp 6, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống có 01 con chung sinh năm 2006 tên là Nguyễn Lê Thị Trà M, sinh ngày 20-5-2006.

Do không đăng ký kết hôn nên khi sinh bé M tại Bệnh viện B tại đường Y thuộc thành phố T, tỉnh Bình Dương thì khai tên người sinh là chị Nguyễn Thị P (chị P là em gái ruột của anh P). Lúc đăng ký khai sinh cho bé thì ghi mẹ ruột là Nguyễn Thị P. Từ sau khi sinh, cháu M sinh sống và đi học tại ấp 6, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương cùng với anh P.

Năm 2012, chị L và anh P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Sau khi đăng ký kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn nên chị L và anh P không chung sống với nhau nữa.

Năm 2015, chị L dẫn cháu M đi về địa chỉ ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh sinh sống cho đến nay.

Năm 2017, chị L và anh P thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự số 238/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương. Ly hôn chị L, anh P khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L xác định cháu M là con của chị L và anh P, do khi sinh chưa đăng ký kết hôn nên nhờ em ruột anh P là chị Nguyễn Thị P đi khai sinh và đứng tên mẹ ruột để bé M được nhập hộ khẩu tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Nay, chị L yêu cầu Tòa án xác định cháu Nguyễn Lê Thị Trà M, sinh ngày 20-5-2006 là con của chị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P trình bày: năm 2005, anh P và chị Lê Thị L chung sống với nhau tại ấp 6, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Lê Thị Trà M, sinh ngày 20-5-2006. Do không có đăng ký kết hôn nên khi chị L sinh bé M tại Bệnh viện thì khai tên người sinh là Nguyễn Thị P (em gái ruột của anh P). Lúc đăng ký khai sinh cho bé thì ghi mẹ ruột là Nguyễn Thị P. Từ sau khi sinh, cháu M sinh sống và đi học tại ấp 6, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương cùng với anh P.

Năm 2012, anh P và chị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Sau khi đăng ký kết hôn chị L bỏ nhà đi không chung sống với anh P nữa. Năm 2015, chị L quay về dẫn cháu M đi về tỉnh Trà Vinh sinh sống cùng chị L cho đến nay.

Năm 2017, anh P và chị L ly hôn, khi ly hôn khai không có con chung.

Anh P xác định cháu M là con của anh P và chị L, do khi sinh cháu M chưa đăng ký kết hôn nên nhờ em ruột là Nguyễn Thị P đi khai sinh và đứng tên

mẹ ruột để bé được nhập hộ khẩu tại xã T, huyện P, Bình Dương.

Chị L yêu cầu xác định con cho mẹ, anh P thống nhất, không có ý kiến gì. Anh P không có yêu cầu xác định con cho cha.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Lê Thị Trà M là chị Nguyễn Thị P trình bày: chị P là em gái của anh Nguyễn Văn P, chị Lê Thị L là chị dâu. Năm 2005, anh P và chị L chung sống với nhau tại ấp 6, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương nhưng không đăng kí kết hôn. Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Lê Thị Trà M, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2006.

Do không có đăng kí kết hôn nên khi chị L sinh bé M thì chị P đứng tên giấy chứng sinh. Lúc đăng kí khai sinh cho bé M thì ghi chị P là mẹ ruột.

Năm 2015, chị L quay về dẫn cháu M đi về Trà Vinh sinh sống cùng chị L cho đến nay.

Năm 2017, anh P và chị L ly hôn, khi ly hôn khai không có con chung.

Chị P xác định cháu M là con của anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị L, do khi sinh anh P và chị L chưa đăng kí kết hôn và muốn để bé M được nhập hộ khẩu tại xã T, huyện P, Bình Dương nên chị P đăng kí khai sinh tên mẹ ruột bé.

Chị Liên yêu cầu xác định con cho mẹ, chị Phường xác định chị Liên là mẹ ruột bé My, chị Phường đồng ý với yêu cầu của chị Liên.

Tại bản kết luận giám định số 4065/C09B ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Phân Viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định:

- Bà Lê Thị L có cho nhận các alen ở tất cả các locus gen STR được khảo sát với Nguyễn Lê Thị Trà M.

- Bà Lê Thị L (sinh năm 1988, ngụ ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; CMND số 334408254 cấp ngày 02-4-2013 tại Trà Vinh) là mẹ ruột của Nguyễn Lê Thị Trà M (SN 20/5/2006, cư trú tại ấp 6, xã T, P, Bình Dương) với xác suất 99,999%.

Các đương sự thống nhất với kết luận của Viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên họp, chị L giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án xác định cháu Nguyễn Lê Thị Trà M là con của chị L và không cung cấp thêm chứng cứ.

Kiểm sát viên tham gia phiên họp phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện việc thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: chị Lê Thị L yêu cầu xác định cháu Nguyễn Lê Thị Trà M là con của chị L. Yêu cầu này được anh P, chị P xác nhận và đã có kết luận giám

định của Viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận cháu M là con của chị L với xác suất là 99,999%. Do vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Yêu cầu của chị Lê Thị L là việc hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 10 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị L có nơi cư trú tại ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét chứng cứ, yêu cầu của chị L: tại bản kết luận giám định số 4065/C09B ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Phân Viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Bà Lê Thị L có cho nhận các alen ở tất cả các locus gen STR được khảo sát với Nguyễn Lê Thị Trà M. Bà Lê Thị L (sinh năm 1988, ngụ ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: ấp 3, xã , huyện B, tỉnh Bình Dương; CMND số 334408254 cấp ngày 02-4-2013 tại Trà Vinh) là mẹ ruột của Nguyễn Lê Thị Trà M (SN 20/5/2006, cư trú tại ấp 6, xã T, P, Bình Dương) với xác suất 99,999%. Các đương sự thống nhất với kết luận của Phân Viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Cháu Nguyễn Lê Thị Trà M, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2006 là con chị Nguyễn Thị P theo Giấy khai sinh số 40 quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01 tháng 6 năm 2006. Quá trình tố tụng, các đương sự thống nhất cháu M là con ruột của chị Lê Thị L.

[3] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên họp đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L.

[4] Xem xét yêu cầu của bà L, tài liệu chứng cứ và ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B về việc giải quyết việc dân sự, Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của chị L theo quy định các Điều 89, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 39 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về chi phí giám định: chị Lê Thị L và Phân Viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh tự giải quyết.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: chị Lê Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, các Điều 367, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các Điều 89, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Lê Thị L về việc xác định con cho mẹ. Xác định cháu Nguyễn Lê Thị Trà M, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2006 là con của chị Lê Thị L.

Chị Lê Thị L có trách nhiệm đăng ký thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0020657 ngày 05-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Dương sự;
- UBND xã T, huyện P; tỉnh Bình Dương;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Ánh Tuyết